

Số: 82/2026/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 267/TTr-SXD ngày 28 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định về phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định nguyên tắc, nội dung, phương thức và trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) và cơ quan quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận.

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường.

b) Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

2. Cơ quan quản lý nhà ở.

a) Sở Xây dựng.

b) Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các phường; Phòng Kinh tế các xã.

3. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải đảm bảo sự đồng bộ, chặt chẽ, thống nhất giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh; xác định rõ vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan phối hợp cung cấp thông tin và cơ quan tiếp nhận thông tin.

2. Việc phối hợp phải kịp thời, thường xuyên, đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành và quy định này.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp cung cấp, tiếp nhận thông tin về nhà ở (bao gồm: thủ tục cấp giấy chứng nhận lần đầu và thủ tục đăng ký biến động) của tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài và dự án đầu tư xây dựng nhà ở; về nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

2. Trường hợp thông tin do các cơ quan làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cung cấp không thống nhất, chưa đồng bộ, cần kiểm tra, đối chiếu thông tin, dữ liệu, thì cơ quan quản lý nhà ở có trách nhiệm phối hợp với cơ quan làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận làm rõ, thống nhất về thông tin, dữ liệu để lưu trữ hồ sơ nhà ở theo quy định.

Điều 5. Thông tin phối hợp

Cung cấp thông tin về nhà ở riêng lẻ và nhà ở chung cư để thiết lập hồ sơ nhà ở theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15.

Điều 6. Hình thức phối hợp

Thông tin về nhà ở được cung cấp và tiếp nhận thông qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành (IDesk hoặc iOffice), hồ sơ cung cấp thông tin bao gồm:

1. Danh sách tổng hợp thông tin về nhà ở được xây dựng dưới định dạng Excel theo Biểu mẫu và hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Thông tin, dữ liệu bằng văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền của cơ quan, đơn vị.

Điều 7. Thời hạn cung cấp thông tin

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm cung cấp thông tin về nhà ở quy định tại Điều 5 Quyết định này cho cơ quan quản lý nhà ở theo phân cấp quản lý để thiết lập hồ sơ nhà ở.

2. Theo định kỳ hàng quý: Trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý liền kề sau quý báo cáo, cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm cung cấp thông tin về nhà ở cho cơ quan quản lý nhà ở theo quy định tại Điều 8 Quyết định này để thiết lập hồ sơ nhà ở.

3. Theo yêu cầu đột xuất: Thực hiện theo văn bản của cơ quan đề nghị phối hợp.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận lần đầu cho tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài và dự án đầu tư xây dựng nhà ở, có trách nhiệm cung cấp thông tin về nhà ở theo nội dung tại Điều 5 Quyết định này cho Sở Xây dựng.

b) Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm cung cấp thông tin về nhà ở theo nội dung tại Điều 5 Quyết định này cho Sở Xây dựng, khi làm thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp đăng ký quyền sở hữu nhà ở gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận, đăng ký thay đổi về nhà ở gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký của tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài.

c) Chỉ đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm cung cấp thông tin về nhà ở theo nội dung tại Điều 5 Quyết định này cho cơ quan quản lý nhà ở cấp xã (Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đối với phường; Phòng Kinh tế đối với xã), khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp đăng ký quyền sở hữu nhà ở gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận, đăng ký thay đổi về nhà ở gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký của hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

2. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà ở

a) Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận, thiết lập, lưu trữ và quản lý hồ sơ nhà ở của tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài và dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn theo Quyết định này và quy định của pháp luật về nhà ở. Chủ trì, phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quyết định, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức quản lý, chỉ đạo phòng chuyên môn (Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) tiếp nhận, thực hiện công tác lập, lưu trữ hồ sơ nhà ở của hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trên địa bàn theo Quyết định này và quy định của pháp luật về nhà ở.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định việc phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai; Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Công Thái

Phụ lục
(Kèm theo Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND ngày 05/8/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

DANH SÁCH TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở

Kỳ cung cấp: Quýnăm.....

- 1. Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu:**
- 2. Đơn vị tiếp nhận thông tin, dữ liệu:**
- 3. Nội dung thông tin, dữ liệu cung cấp:**

TT	Tên chủ sở hữu	Đối tượng sở hữu					Địa chỉ nhà ở	Loại nhà ở		Diện tích (m²)			Thông tin nguồn gốc sở hữu	Ghi chú
		Tổ chức trong nước, dự án đầu tư xây dựng nhà ở	Hộ gia đình, cá nhân trong nước	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Cá nhân nước ngoài	Tổ chức nước ngoài		Nhà ở riêng lẻ	Nhà chung cư	Diện tích lô đất	Diện tích xây dựng	Diện tích sàn xây dựng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1														
2														
3														

..., ngày.....tháng.....năm...
ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN
(Ký tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN NHẬP THÔNG TIN

1	Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu:
-	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn phòng đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.
2	Đơn vị tiếp nhận thông tin, dữ liệu:
-	Sở Xây dựng: Tiếp nhận thông tin nhà ở của tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài và dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh.
-	Các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường); Phòng Kinh tế (đối với xã): Tiếp nhận thông tin nhà ở của hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trên địa bàn.
3	Đối với cột (2) “Tên chủ sở hữu”: Tên chủ sở hữu nhà ở
4	Đối với cột “Đối tượng sở hữu”: Đánh dấu "X" vào ô thông tin phù hợp
-	Cột (3) Tổ chức trong nước, dự án đầu tư xây dựng nhà ở
-	Cột (4) Hộ gia đình, cá nhân trong nước
-	Cột (5) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài
-	Cột (6) Cá nhân nước ngoài
-	Cột (7) Tổ chức nước ngoài
5	Đối với cột (8) “Địa chỉ nhà ở”: Thông tin địa chỉ nhà ở đề nghị làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận
6	Đối với cột “Loại nhà ở”: Đánh dấu "x" vào ô thông tin phù hợp
-	Cột (9) Nhà ở riêng lẻ: Là nhà ở được xây dựng trên thửa đất ở riêng biệt thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân hoặc trên đất thuê, đất mượn của tổ chức, cá nhân, bao gồm nhà biệt thự, nhà ở liền kề và nhà ở độc lập, được xây dựng với mục đích để ở hoặc mục đích sử dụng hỗn hợp.
-	Cột (10) Nhà chung cư: Là nhà ở có từ 02 tầng trở lên, có nhiều căn hộ, có lối đi, cầu thang chung, có phần sở hữu riêng, phần sở hữu chung và hệ thống công trình hạ tầng sử dụng chung cho gia đình, cá nhân, tổ chức, bao gồm nhà chung cư được xây dựng với mục đích để ở và nhà chung cư được xây dựng có mục đích sử dụng hỗn hợp.
7	Đối với cột “Diện tích”: Thông tin diện tích nhà ở đề nghị làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận
-	Cột (11) Diện tích lô đất: Diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận.
-	Cột (12) Diện tích xây dựng: Diện tích xây dựng nhà ở được cấp Giấy chứng nhận.

-	<i>Cột (13) Diện tích sàn xây dựng: Tổng diện tích sàn của tất cả các tầng, bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng lửng, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng tum.</i>
8	Đối với cột (14) “Thông tin nguồn gốc sở hữu”: Điền thông tin các loại giấy tờ:
-	<i>Giấy tờ chứng minh việc tạo lập hợp pháp nhà ở (theo quy định tại Điều 148 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024)</i>
-	<i>Bản kê khai thông tin về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở</i>
-	<i>Các giấy tờ xác định đơn vị tư vấn, đơn vị thi công, bản vẽ thiết kế, bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở, hồ sơ hoàn công</i>
-	<i>Hồ sơ dự án đầu tư xây dựng nhà ở và hồ sơ hoàn công</i>